

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 373/2024/HC-PT
Ngày: 03/7/2024
V/v “*Khiếu kiện QĐHC trong lĩnh vực xử
phạt vi phạm hành chính*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng ĐL.

Các Thẩm phán: Ông Ong TT

Ông Nguyễn VĐ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Duy K, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Khúc Thị Hoàng H, Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 26/6 và 03/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hành chính thụ lý số 55/2024/TLPT-HC ngày 23 tháng 01 năm 2024, về: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực xử phạt vi phạm hành chính*”. Do có kháng cáo của người khởi kiện, đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2023/HC-ST ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 6547/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Đăng C, địa chỉ: thôn A, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị H, địa chỉ: thôn A, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Bà Lê Thúy A, sinh năm 1989, địa chỉ: Số I, ngõ C, C, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Hồng B, Luật sư Nguyễn Văn N và Luật sư Trần Minh T, thuộc Công ty L và cộng sự, Đoàn Luật sư thành phố H; Luật sư N có mặt; Luật sư N có mặt; Luật sư Bách có mặt ngày 26/6 vắng mặt ngày 03/7.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Huy H1, chức vụ: Chủ tịch;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn V, chức vụ: Phó Chủ tịch; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Trịnh Quang C1, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, thành phố Hải Phòng; **Vắng mặt.**

- Ông Nguyễn Hồng T1, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, thành phố Hải Phòng; **Có mặt.**

- Ông Nguyễn Đình H2, Trưởng phòng Tư pháp huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; **Vắng mặt.**

- Ông Lê Anh T2, Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện T; **Vắng mặt.**

- Ông Nguyễn Trần Q, Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi huyện T, thành phố Hải Phòng; **Có mặt.**

- Bà Lê Thị H3, Chuyên viên Phòng Tài nguyên và môi trường huyện T, thành phố Hải Phòng; **Vắng mặt.**

- Ông Nguyễn Tấn H4, Công chức địa chính xây dựng xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; **Có mặt.**

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị H, địa chỉ: thôn A, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; **Có mặt.**

4. Tại phiên tòa: Ủy ban nhân dân xã Q:

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn V1, sinh năm 1969; Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1]. Người khởi kiện trình bày và yêu cầu: Nguồn gốc diện tích đất 419,5m² tại thửa số 608, tờ bản đồ số 01 tại Thôn P, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng do vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của ông Trần Hữu T3 - phần diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất(GCNQSDĐ), số BG 298886, do Ủy ban nhân dân(UBND) huyện T cấp ngày 27/02/2012 cho ông Trần Hữu T3 (con trai của ông Trần Hữu B1) năm 2022. Ngoài diện tích đất nêu trên, vợ chồng ông còn mua toàn bộ phần diện tích 766m² - phía sau diện tích đất trên của ông B1 (có giấy tờ viết tay, không có xác nhận của chính quyền địa phương); diện tích đất này chưa được cấp GCNQSDĐ. Khi mua chỉ biết toàn bộ diện tích đất trước đây là của ông Đào Đình H5 ở từ năm 1978. Vợ chồng ông chỉ giao dịch mua bán với ông B1, không biết ông H5, từ khi nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất

đến nay không tranh chấp với ai. Sau khi nhận chuyển nhượng diện tích đất, tháng 7/2022, vợ chồng ông đã xây dựng công trình nhà 2,5 tầng để ở (tầng 2) và kinh doanh (tầng 1) trên diện tích đất 517m², kết cấu công trình: Móng bê tông cốt thép, mái bằng, tường gạch chỉ khung sắt; phần công trình xây dựng nằm trên diện tích đất chưa được cấp GCNQSDĐ. Trên diện tích đất đã được cấp GCNQSDĐ, chỉ trồng cây và làm sân đi vào căn nhà 2,5 tầng. Khi xây không xin phép chính quyền địa phương, do không hiểu biết và thấy các hộ dân xung quanh xây thì ông cũng xây; trong suốt quá trình xây dựng, không có cơ quan nào vào yêu cầu ngừng xây dựng hay xử phạt. Đến ngày 28/4/2023, sau khi xây dựng xong công trình, đang hoàn thiện nội thất để chuẩn bị sử dụng, thì UBND xã Q lập biên bản vi phạm hành chính với hai hành vi: Chiếm đất nông nghiệp không phải đất trồng lúa, chiếm đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn, hành vi xây dựng các công trình tạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; vị trí xây dựng: 517m² chưa có sổ thửa nằm liền kề tiếp giáp với thửa 608, 609 tờ bản đồ số 01. Ngoài những nội dung trên, các nội dung về cây trồng trên đất, những hạng mục khác đều đúng như biên bản vi phạm hành chính đã lập, ông không có ý kiến gì. Ông cho rằng việc lập biên bản vi phạm về hai hành vi chiếm đất nông nghiệp không phải đất trồng lúa, chiếm đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn, hành vi xây dựng các công trình tạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, với diện tích đất 517m² là không đúng, vì:

Thứ nhất, hành vi chiếm đất nông nghiệp không phải đất trồng lúa, chiếm đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn: Không có căn cứ tại hồ sơ địa chính thể hiện diện tích đất 517m² là đất nông nghiệp; diện tích đất này và diện tích đất 419,5m² cùng một thửa đất có nhà ở và vườn ao liền kề. Diện tích đất 517m² có nguồn gốc được các chủ sử dụng cũ sử dụng từ trước năm 1980. Do đó, diện tích đất 517m² không nằm trong diện tích đất nông nghiệp, đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ. Việc này có xác nhận của ông H5, ông B1 và các hộ dân liền kề. Đến thời điểm hiện nay về phía chính quyền chưa có xác nhận diện tích đất này là đất ở.

Thứ hai, hành vi xây dựng các công trình tạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Không có căn cứ thể hiện hành lang thủy lợi, vì không có cắm mốc giới và hành lang thủy lợi phải tuân thủ theo quy định của Luật Thủy lợi; diện tích xây dựng mà UBND xã Q cho rằng, xây trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi là không đúng, vì theo gia đình toàn bộ công trình xây dựng không nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi. Do đó, hành vi của ông không vi phạm các quy định tại Nghị định số 91, Nghị định số 03 như đã nêu tại Biên bản vi phạm hành chính ngày 28/4/2023.

Ngày 06/6/2023, vợ chồng ông đã làm đơn xin được tự nguyện khắc phục hậu quả với thời gian khắc phục từ 3-6 tháng, để tự tháo dỡ cho giảm thiểu tối đa thiệt hại về kinh tế và tổn thất tinh thần. Mặc dù, trong thời gian chưa nhận được văn bản trả lời của UBND huyện, nhưng ông đã tự nguyện tháo dỡ phần gạch chỉ lát ở phần diện tích bờ kênh H, tháo dỡ phần diện tích tầng 3, toàn bộ cửa kính đồ đạc trên tầng 3 được tháo dỡ. Điều đáng nói kể từ sau khi ban hành Quyết định số 3829, ông không nhận được Quyết định cưỡng chế, không nhận được bất kỳ văn bản nào của UBND huyện T, liên tục những ngày này cho đến trước ngày ông nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại, có rất nhiều người bắt kể ngày, đêm gọi cho ông và gia đình ông gây áp lực tinh thần rất lớn cho ông và gia đình, khiến cho tinh thần vợ chồng suy sụp, hoảng loạn, hoang mang, sợ hãi không làm được việc gì. Đến ngày 16/6/2023, đã phá toàn bộ công trình xây dựng nhà ở của gia đình ông cùng rất nhiều đồ đạc trong nhà. Hơn nữa tài sản phá dỡ là tài sản chung của vợ chồng ông, nhưng khi xử phạt, UBND huyện chỉ xử phạt ông (C) mà không phải bà H, lý do vì sao lại cưỡng chế phá dỡ cả phần tài sản của bà H.

Ông cho rằng, Chủ tịch UBND huyện ban hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3829 ngày 11/5/2023, quyết định cưỡng chế số 4501 ngày 24/5/2023, quyết định giải quyết khiếu nại số 4991 ngày 14/6/2023 là không có căn cứ, sai trái, vi phạm quy định của pháp luật hiện hành. Trước khi cưỡng chế, UBND xã Q đã có văn bản, đề nghị UBND huyện xem xét lại nguồn gốc đất, tuy nhiên UBND huyện cũng không xem xét lại nguồn gốc đất của gia đình ông.

Xuất phát từ việc Chủ tịch UBND huyện ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3829 ngày 11/5/2023, quyết định cưỡng chế số 4501 ngày 24/5/2023 không đúng, nên ông đã bị thiệt hại số tiền 13 tỷ đồng, trong đó: 07 tỷ đồng là tài sản bị phá hủy, 06 tỷ đồng là nội thất, đồ dùng kinh doanh bị phá hủy, hư hỏng, không sử dụng được. Do đó, ông yêu cầu Chủ tịch UBND huyện bồi thường số tiền trên. Ngoài ra, ông còn yêu cầu bồi thường thêm số tiền tổn thất tinh thần là (50 tháng x lương cơ sở) theo quy định của pháp luật.

Do vậy, người khởi kiện yêu cầu huỷ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3829/QĐ-XPVPHC ngày 11/5/2023; Quyết định Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 4501/QĐ-CCXP ngày 24/5/2023 và Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đăng C (lần đầu) số 4991/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 của Chủ tịch UBND huyện T, thành phố Hải Phòng và yêu cầu Chủ tịch UBND huyện T, thành phố Hải Phòng phải bồi thường số tiền 13.000.000.000 đồng (mười ba tỷ đồng) là tài sản bị phá hủy, hư hỏng không sử dụng được; tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 50 tháng x lương cơ sở (lương cơ sở từ 1/7/2023 là 1.800.000 đồng) = 90.000.000 đồng.

[2]. Đại diện của người bị kiện trình bày:

Ông Nguyễn Đăng C đang sử dụng đất như sau: 419,5m² đất ở, được cấp GCNQSDĐ (thửa 608+609, tờ bản đồ số 01); 200m² đất chưa được cấp GCNQSDĐ đất ở (thuộc thửa 608, tờ bản đồ số 01); 211,8m² đất nằm trong chỉ giới quy hoạch hành lang kênh H; 517,0m² là đất nông nghiệp khác do UBND xã quản lý. Tại báo cáo số 48/BC-UBND ngày 28/4/2023 của UBND xã Q khẳng định: Vị trí thửa đất ông Nguyễn Đăng C đã chiếm và xây dựng công trình không thể hiện sổ thửa, có vị trí tiếp giáp với phía Tây thửa đất số 608, 609, tờ bản đồ số 01, xã Q, huyện T, là đất đất nông nghiệp khác do UBND xã Q quản lý. Cụ thể như sau: Thửa đất số 608, tờ bản đồ số 1, tại trang số 19, sổ mục kê năm 1985 và bản đồ giải thửa 299 lưu tại UBND xã Q, đăng ký tên chủ sử dụng đất là hộ ông Đào Văn H6 (Đào Đình H5), diện tích đăng ký là 560m². Thửa đất số 609, tờ bản đồ số 01, lưu tại UBND xã Q đăng ký tên chủ sử dụng là ông Đào Văn B2 (Đào Đình B3), diện tích đăng ký là 360 m². Ngày 06/5/2002, UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số phát hành T960159, thửa số 608 diện tích 360m² cho ông Đào Đình H5. Ngày 06/5/2002, GCNQSDĐ huyện T cấp GCNQSDĐ số phát hành T960158, thửa số 609 diện tích 360m² cho ông Đào Đình B3. Đến năm 2010, 2011, ông Đào Đình H5 và ông Đào Đình B3 đã chuyển nhượng một phần diện tích, trong diện tích đã cấp giấy chứng nhận cho ông Trần Hữu T3, cụ thể như sau: Năm 2010, ông Đào Đình B3 chuyển nhượng cho ông Trần Hữu T3 diện tích 212.5/360m² đất từ thửa số 609, tờ bản đồ số 01. Năm 2011, ông Đào Đình H5 chuyển nhượng cho ông Trần Hữu T3 diện tích 207/360m² đất từ thửa số 608, tờ bản đồ số 01. Ông Trần Hữu T3 được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số phát hành BG298886, diện tích 419,5m², sổ vào sổ CH 00177, ngày 27/02/2012, do nhận chuyển nhượng đất từ các thửa nêu trên. Ông Trần Hữu T3 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đăng C, được Văn phòng Đ Chi nhánh huyện T đính chính chuyển nhượng ngày 13/9/2022, theo hồ sơ số 000770.CN.008. Như vậy, căn cứ bản đồ giải thửa năm 1990 đang lưu trữ tại UBND xã Q, Báo cáo số 48/BC-UBND ngày 28/4/2023 của UBND xã Q, Báo cáo số 101/BC-TLTN ngày 05/5/2023 của Công ty TNHH MTV K, đối chiếu thực địa sử dụng đất thể hiện: diện tích đất ông Nguyễn Đăng C xây dựng công trình vi phạm, nằm ngoài diện tích đất ở đã cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Đăng C, nằm ngoài diện tích được đăng ký trong hồ sơ địa chính là đất thổ cư. Diện tích đất gia đình ông Nguyễn Đăng C xây dựng công trình vi phạm có tổng diện tích là 728,8m², trong đó có: 211,8m² nằm trong phạm vi hành lang bảo vệ công trình thủy lợi kênh Hòn Ngọc và 517m² là đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn do UBND xã quản lý, đất bảo vệ công trình thủy lợi kênh H. Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính và sơ đồ hiện trạng thửa đất, thể hiện ông Nguyễn Đăng C đã xây dựng các công trình vi phạm cụ thể như sau: Nhà 2,5 tầng trên diện tích 517m² có kết cấu: Móng đổ bê tông cốt thép,

tường xây gạch chỉ, mái và trần đổ bê tông cốt thép. Công trình được xây dựng trên diện tích 211,8m², nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi kênh H, gồm: xếp gạch chỉ kích thước 139,86m²; xây tường bó dài 36m; xây tường gạch chỉ kích thước 4,6m²; lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy; xây bậc lên xuống kích thước 3m²; dựng lán tôn kích thước 8,28m²; dựng chuồng chó kích thước 2,6m². Thời gian xây dựng các công trình nêu trên từ tháng 9 năm 2022.

Ngày 28/4/2023, UBND xã Q đã lập biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC đối với ông Nguyễn Đăng C, về các hành vi sau:

- Hành vi 1: Chiếm đất nông nghiệp không phải đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất do UBND xã Q, quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Diện tích đất vi phạm 517m²; hiện trạng sử dụng đất: đã xây dựng căn nhà 2.5 tầng diện tích 517m².

- Hành vi 2: Xây dựng công trình tạm trong phạm vi bảo vệ hành lang công trình thủy lợi. Quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 24 Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống thiên tai, thủy lợi, đê điều.

Ngày 11/05/2023, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 3829/QĐ-XPHC, về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Đăng C. Theo quyết định trên, ông Nguyễn Đăng C bị xử phạt số tiền là 7.700.000 đồng; Buộc ông Nguyễn Đăng C khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm a, d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; điểm a khoản 9 Điều 24 Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống thiên tai, thủy lợi, đê điều và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do hành vi vi phạm, số tiền là 24.950.278 đồng. Thời hạn khắc phục hậu quả là 10 ngày kể từ ngày ông Nguyễn Đăng Công n được quyết định xử phạt.

Việc UBND huyện T tính số tiền thu lợi bất hợp pháp nêu trên, được thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ, buộc ông Nguyễn Đăng C nộp lại số lợi bất hợp pháp nêu trên được thực hiện theo đúng quy định tại Điểm a, d, Khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

UBND huyện T đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn: phòng T, phòng N, phòng Tư Pháp, Thanh tra huyện, Ủy ban nhân dân xã Q, các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội thuộc huyện, vận động, thuyết phục ông Nguyễn Đăng C tự thực

hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, ông Nguyễn Đăng C không tự thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 24/05/2023, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 4501/QĐ-CCXP, về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Đăng C. Ngày 25/05/2023, UBND huyện T ban hành Quyết định số 4511/QĐ-UBND, về việc thành lập Ban cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 04/6/2023, Ban cưỡng chế theo quyết định số 4511/QĐ-UBND của UBND huyện T, đã mời ông Nguyễn Đăng C dự Hội nghị đối thoại tại Trụ sở UBND xã Q nhưng ông Nguyễn Đăng C từ chối tham dự.

Chiều ngày 13/6/2023, Ban cưỡng chế theo quyết định số 4511/QĐ-UBND của UBND huyện T, mời ông Nguyễn Đăng C dự Hội nghị đối thoại tại Trụ sở UBND xã Q (lần 2) nhưng ông Nguyễn Đăng C từ chối tham dự.

Ngày 16/6/2023, UBND huyện đã tổ chức cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, đến ngày 18/6/2023 đã xử lý dứt điểm công trình vi phạm.

Việc UBND huyện T áp dụng biện pháp cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, được thực hiện đúng quy định của pháp luật và đảm bảo an toàn.

Ông Nguyễn Đăng C không đồng ý với Quyết định số 3829/QĐ-XPHC ngày 11/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện T, về việc xử phạt vi phạm hành chính nên ông đã làm đơn khiếu nại. Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 4991/QĐ-UBND ngày 14/6/2023, bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Đăng C, địa chỉ thôn A, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng.

[3]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà Lê Thị H nhất trí với quan điểm của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2023/HC-ST ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194, điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 6; Điều 28; Điều 38; Điều 54; Điều 57; Điều 66, 67, 68; Điều 86; Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính; Căn cứ Điều 9, Điều 18, Điều 27, 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại; Căn cứ Điều 206 Luật Đất đai; Căn cứ điểm b khoản 2, điểm a, d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ - CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Căn cứ điểm a khoản 1 và điểm a khoản 9 Điều 24 Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực

phòng chống thiên tai, thủy lợi, đê điều; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xứ: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng C về việc: Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3829/QĐ-XPVPHC ngày 11/5/2023. Hủy Quyết định Cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 4501/QĐ-CCXP ngày 24/5/2023. Hủy Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đăng C (lần đầu) số 4991/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 của Chủ tịch UBND huyện T, thành phố Hải Phòng. Yêu cầu Chủ tịch UBND huyện T, thành phố Hải Phòng phải bồi thường số tiền 13.090.000.000 đồng (mười ba tỷ không trăm chín mươi triệu đồng) (bao gồm 7.000.000.000 đồng tiền tài sản bị phá hủy; 6.000.000.000 đồng tiền nội thất, đồ dùng kinh doanh bị phá hủy, hư hỏng, không sử dụng được và tiền tổn thất về tinh thần bằng 50 tháng lương là 90.000.000 đồng). Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 20/12/2023, ông Nguyễn Đăng C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Người khởi kiện và Người bảo vệ quyền lợi ích của người khởi kiện có quan điểm đề nghị: chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, hủy bản án án sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo hướng: Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3829/QĐ-XPVPHC ngày 11/5/2023. Hủy Quyết định Cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 4501/QĐ-CCXP ngày 24/5/2023. Hủy Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đăng C (lần đầu) số 4991/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 của Chủ tịch UBND huyện T, thành phố Hải Phòng. Yêu cầu Chủ tịch UBND huyện T, thành phố Hải Phòng phải bồi thường số tiền 13.090.000.000 đồng (mười ba tỷ không trăm chín mươi triệu đồng) (bao gồm 7.000.000.000 đồng tiền tài sản bị phá hủy; 6.000.000.000 đồng tiền nội thất, đồ dùng kinh doanh bị phá hủy, hư hỏng, không sử dụng được và tiền tổn thất về tinh thần bằng 50 tháng lương là 90.000.000 đồng).

Người bị kiện vắng mặt; Người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện đề nghị bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi liên quan bà Lê Thị H đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan: Về tổ tụng quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về hướng giải quyết vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng

xét xử: Bác kháng cáo của ông Nguyễn Đăng C và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2023/HC-ST ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính; Người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt theo khoản 4 Điều 255 Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về đối tượng, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết: Ngày 10/7/2023, ông Nguyễn Đăng C nộp đơn khởi kiện đề nghị hủy: Quyết định số 3829/QĐ-XPVPHC ngày 11/5/2023, về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (gọi tắt là Quyết định số 3829); Quyết định số 4501/QĐ-CCXP ngày 24/5/2023, về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (gọi tắt là Quyết định số 4501); Quyết định số 4991/QĐ-UBND ngày 14/6/2023, về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với ông Nguyễn Đăng C (gọi tắt là Quyết định số 4991) đều của Chủ tịch UBND huyện T, thành phố Hải Phòng và yêu cầu bồi thường cho ông với số tiền 13.090.000.000 đồng. Đây là các quyết định hành chính trong hoạt động quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 22 Luật Đất đai, nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu, thẩm quyền theo quy định khoản 1 và 2 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính thụ lý, giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính hợp pháp của các quyết định:

[3.1]. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành: Căn cứ biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 28/4/2023 do UBND xã Q lập, xác định ông Nguyễn Đăng C đã có hành vi chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất do UBND xã Q quản lý tại vị trí chưa có sổ thửa liền kề tiếp giáp với thửa đất 608, 609 tờ bản đồ số 01, thôn A, xã Q (theo bản đồ giải thửa 299 lập năm 1990 và sổ mục kê năm 1985 lưu tại UBND xã Q). Diện tích chiếm 517m². Ngày 07/9/2022, ông Nguyễn Đăng C xây dựng công trình 2,5 tầng trên diện tích 517m² đất chiếm, công trình xây dựng kết cấu: Móng đổ bê tông-cốt thép, tường xây gạch chỉ, mái và trần đổ bê tông-cốt thép, công trình đã hoàn thành. Ông Nguyễn Đăng C xây dựng các công trình tạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi kênh H, có vị trí giáp liền kề với công trình xây dựng 2,5 tầng trên diện tích 517m² đất chiếm nêu trên, cụ thể: Xếp gạch chỉ đổ kích thước 6,3m x 22m; xây dựng tường bó kích thước 6,3m + 22,2m

+1,5m +5,8m; xây gạch chỉ đỏ kích thước 2,0m x 2,3m; lắp đặt hệ thống chữa cháy; xây bậc lên xuống kích thước 1,9 m x 1,6m x 0,5m (cao); dựng lán tôn kích thước 4,6m x 1,8m; dựng chuồng chó kích thước 1,3m x 2,0m x 1,3m; trồng 03 cây dừa chiều cao trung bình 4,0m; 05 cây dừa dưới 03 năm tuổi; 01 cây xanh. Biên bản vi phạm hành chính được lập đúng quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Căn cứ quyết định số 171/QĐ-GQXP ngày 19/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện T, về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính, nên Phó Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3829 ngày 11/5/2023 là đúng quy định tại Điều 38, 54, 57, 68 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[3.2]. Về căn cứ ban hành quyết định:

[3.2.1]. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3829 ngày 11/5/2023:

- Nguồn gốc đất, theo bản đồ giải thửa 299 lập năm 1990, sổ mục kê năm 1985 lưu tại UBND xã Q, thì thửa đất ông C xây dựng công trình không có số thửa, có vị trí nằm tiếp giáp, liền kề về phía Tây thửa đất số 608, 609, tờ bản đồ số 01, thôn A xã Q là đất nông nghiệp khác do UBND xã Q quản lý. Cụ thể: Thửa đất số 608, tờ bản đồ số 1, tại trang số 19, sổ mục kê năm 1985 và bản đồ giải thửa 299 lưu tại UBND xã Q, đăng ký tên chủ sử dụng đất là hộ ông Đào Văn H6 (Đào Đình H5), diện tích đăng ký là 560m². Thửa đất số 609, tờ bản đồ số 01, lưu tại UBND xã Q đăng ký tên chủ sử dụng là ông Đào Văn B2 (Đào Đình B3), diện tích đăng ký là 360m². Ngày 06/5/2002, UBND huyện T cấp GCNQSDĐ, số phát hành T960159, thửa số 608, diện tích 360m² cho ông Đào Đình H5. Ngày 06/5/2002, UBND huyện T cấp GCNQSDĐ, số phát hành T960158, thửa số 609, diện tích 360m² cho ông Đào Đình B3. Năm 2010, ông Đào Đình B3 chuyển nhượng cho ông Trần Hữu T3 diện tích 212.5/360m² đất từ thửa số 609, tờ bản đồ số 01. Năm 2011, ông Đào Đình H5 chuyển nhượng cho ông Trần Hữu T3 diện tích 207/360m² đất từ thửa số 608, tờ bản đồ số 01. Ông Trần Hữu T3 được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ, số phát hành BG298886, diện tích 419,5m², sổ vào sổ CH 00177, ngày 27/02/2012 do nhận chuyển nhượng đất từ các thửa nêu trên. Ông Trần Hữu T3 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đăng C, được Văn phòng Đ Chi nhánh huyện T đính chính chuyển nhượng ngày 13/9/2022, theo hồ sơ số 000770.CN.008. Như vậy, căn cứ bản đồ giải thửa năm 1990 đang lưu trữ tại UBND xã Q, Báo cáo số 48/BC-UBND ngày 28/4/2023 của UBND xã Q, Báo cáo số 101/BC-TLTN ngày 05/5/2023 của Công ty TNHH MTV K, đối chiếu thực địa sử dụng đất thể hiện: diện tích đất ông Nguyễn Đăng C xây dựng công trình vi phạm, nằm ngoài diện tích đất ở đã cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Đăng C, nằm ngoài diện tích được đăng ký trong hồ sơ địa chính là đất thổ cư.

- Diện tích đất gia đình ông Nguyễn Đăng C xây dựng công trình vi phạm có tổng diện tích là 728,8m²; trong đó, hành vi chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn; cụ thể: Ông C đã xây dựng công trình diện tích 517m² do UBND xã quản lý tại thôn A xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng (gọi là hành vi thứ nhất). Do vậy, ông C đã bị áp dụng hình thức xử phạt chính với số tiền 7.500.000 đồng; không áp dụng hình phạt bổ sung. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số tiền bất hợp pháp có được do hành vi vi phạm với số tiền là 24.950.278 đồng; buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của thửa đất trước khi vi phạm, buộc trả lại đất đã chiếm là đúng quy định tại điểm b khoản 2 và điểm a, d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Ngoài ra, ông C còn xây dựng công trình tạm trong phạm vi bảo vệ hành lang công trình thủy lợi kênh Hòn Ngọc gồm: xếp gạch chỉ đỏ kích thước 139,86m², xây tường bó dài 36m; xây tường gạch chỉ đỏ kích thước 4,6m²; lắp đặt hệ thống chống cháy, chữa cháy; xây bậc lên xuống kích thước 3m²; dựng lán tôn kích thước 8,28m²; dựng chuồng chó kích thước 2,6m²; trồng 03 cây dừa chiều cao trung bình 4,0m; 05 cây dừa dưới 03 năm tuổi; 01 cây xanh (gọi là hành vi thứ hai). Theo Điều 40 Luật Thủy lợi, phạm vi bảo vệ công trình tính từ chân bờ ra ngoài 3-5m, đối với bờ xác định theo công trình bờ cùng tuyến, theo thiết kế của dự án có mặt rộng 3m, mái 2,04m; cộng bờ và mái là 5,04m cộng với hành lang bảo vệ tối thiểu là 3m. Do vậy, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi huyện T phối hợp với phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện T xác định, phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi kênh Hòn Ngọc tiếp giáp với thửa đất nêu trên, là đường tính từ đường mặt đất tự nhiên vào thửa đất là 8,04m. Ông C xây dựng Nhà hàng diện tích 517m² không nằm trong phạm vi bảo vệ kênh H; tuy nhiên, có một số công trình tạm như sân xếp gạch, xây tường bó, trồng cây, dựng chuồng chó với diện tích 211,8m² nằm trong phạm vi bảo vệ kênh H. Do vậy, ông C đã bị áp dụng hình thức xử phạt chính đối với hành vi này là 200.000 đồng; không áp dụng hình phạt bổ sung; biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu là đúng quy định tại điểm a, khoản 1 và điểm a khoản 9 Điều 24 Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống thiên tai, thủy lợi, đê điều.

- Do vậy, việc Phó Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3829 ngày 11/5/2023 là có căn cứ.

[3.2.2]. Quyết định số 4501/QĐ-CCXP ngày 24/5/2023: Do ông Nguyễn Đăng C không chấp hành Quyết định số 3829, nên ngày 24/5/2023 Phó chủ tịch

UBND huyện T căn cứ quyết định số 4500/QĐ-GQCC ngày 24/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện T, về việc giao quyền cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã ban hành Quyết định số 4501, về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả với biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện với hành vi thứ nhất: “Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của thửa đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm”, hành vi thứ hai: “Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu” là đúng quy định tại Điều 28, Điều 38, Điều 86, Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính; điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ, về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và điểm a, khoản 1 Điều 24 Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ, về quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực phòng chống thiên tai, thủy lợi, đê điều. Việc ông C cho rằng không nhận được Quyết định cưỡng chế là không có cơ sở, tài liệu trong hồ sơ thể hiện vào hồi 16 giờ 30 phút ngày 26/5/2023, ông Nguyễn Tuấn H7 đã tiến hành giao Quyết định cưỡng chế số 4501 ngày 24/5/2023 cho ông Nguyễn Đăng C nhưng ông C không nhận, có sự chứng kiến của ông Đặng Đức G và xác nhận của đại diện chính quyền địa phương. Ngoài ra, ông C, bà H còn cho rằng tài sản bị cưỡng chế là tài sản chung của vợ chồng, nhưng chỉ xử phạt vi phạm hành chính đối với ông C mà không phải bà H, xét phía người bị kiện đã xác định người thực hiện hành vi vi phạm hành chính là ông C, nên Chủ tịch UBND huyện đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính.

[3.2.3]. Quyết định số 4991/QĐ-UBND ngày 14/6/2023: Ngày 13/5/2023 ông Nguyễn Đăng Công n được Quyết định số 3829, ông không đồng ý với quyết định trên, ngày 18/5/2023 đã làm đơn khiếu nại. Căn cứ vào Thông báo số 442/TB-UBND ngày 23/8/2021, về việc phân công nhiệm vụ công tác của Chủ tịch, các Phó chủ tịch và các thành viên Ủy ban nhân dân huyện, ngày 30/5/2023 UBND huyện T đã thụ lý đơn khiếu nại; cùng ngày Phó Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành quyết định số 39/QĐ-UBND, về việc xác minh nội dung đơn khiếu nại; ngày 12/6/2023, đoàn xác minh đã đối thoại với ông Nguyễn Đăng C. Ngày 14/6/2023, Phó Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đăng C (lần đầu), với nội dung bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Đăng C là đảm bảo đúng quy định tại Điều 9, Điều 18, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại.

[3.2.4]. Đối với việc yêu cầu bồi thường số tiền 13.000.000.000 đồng (trong đó 7.000.000.000 đồng là tài sản bị phá hủy và 6.000.000.000 đồng là nội thất và đồ bị phá hủy, hư hỏng và không sử dụng được) và bồi thường tổn thất tinh thần

bằng 50 tháng lương cơ sở (50 x 1.800.000 đồng) = 90.000.000 đồng, xét thấy các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện T là ban hành có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, việc người khởi kiện yêu cầu bồi thường như trên là không có cơ sở.

[3.2.5]. Với các căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định các Quyết định số 3829, Quyết định số 4501, Quyết định số 4991 của Chủ tịch UBND huyện T, thành phố Hải Phòng được ban hành đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục, nội dung các quyết định đều phù hợp qui định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, về việc hủy bỏ các Quyết định hành chính nêu trên; yêu cầu bồi thường số tiền 13.000.000.000 đồng và 90.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần là có căn cứ.

[4]. Xét kháng cáo của ông C và quan điểm Luật sư, xét thấy: Tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện không cung cấp thêm được chứng cứ mới để có thể làm thay đổi bản chất vụ án, đồng thời Hội đồng xét xử phúc thẩm hoàn toàn đồng tình với những nhận định và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm. Do vậy, kháng cáo của ông Nguyễn Đăng C là không có căn cứ; quan điểm của Luật sư cho rằng: Không có căn cứ xác định 517m² đất thuộc quyền quản lý của UBND xã Q; UBND huyện T không có cơ sở pháp lý kết luận: ông C có hành vi xây dựng công trình tạm trong phạm vi hành lang công trình thủy lợi kênh H; UBND huyện chưa xác định diện tích đất gia đình ông C thực tế sử dụng; thiếu đương sự trong vụ án; vi phạm trong quá trình xử lý vi phạm hành chính; chưa có căn cứ xác định thế nào là khôi phục lại tình trạng ban đầu của thửa đất; chưa thu thập hồ sơ xác định mốc giới, hành lang an toàn công trình thủy lợi Hoàn N1; không có chứng cứ chứng minh diện tích đất ông C xây dựng công trình là đất công ích do UBND xã Q quản lý; có dấu hiệu làm giả tài liệu chứng cứ vụ án là không có cơ sở. Do vậy, cấp phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa là có cơ sở, được chấp nhận.

[6]. Về án phí: Ông Nguyễn Đăng C án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Do buông lỏng quản lý, thiếu trách nhiệm, thiếu đôn đốc cán bộ, công chức trong thực hiện công tác quản lý đất đai; thiếu kiểm tra, giám sát; chưa kịp thời phát hiện, xử lý để hộ ông Nguyễn Đăng C xây dựng trên diện tích đất lấn chiếm có nguồn gốc là đất nông nghiệp khác, một phần diện tích thuộc đất hành lang bảo vệ kênh H; đã vi phạm các quy định của pháp luật về chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức; vi phạm quy định của pháp luật về đất đai; gây hậu quả nghiêm trọng, không có biện pháp ngăn chặn, gây dư luận xấu đến quần chúng

nhân dân, làm giảm uy tín của cấp uỷ, chính quyền địa phương nên Chủ tịch UBND xã Q đã bị áp dụng hình thức kỷ luật Cách chức; áp dụng hình thức kỷ luật cảnh cáo đối với ông Đoàn Trọng N2, Phó Chủ tịch xã và ông Nguyễn Tấn H4, Công chức địa chính xã Q.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Đăng C.

[2]. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2023/HC-ST ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[3]. Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Đăng C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số **000059 ngày 26 tháng 12 năm 2023** của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Đình Lực

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ong Thân Thắng

Nguyễn Vũ Đông

Đặng Đình Lực